

THUẾ TỈNH NINH BÌNH
THUẾ CƠ SỞ 10 TỈNH NINH BÌNH

Số: /TCS10-NVDTPC
V/v tuyên truyền Luật Quản lý thuế số
108/2025/QH15

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày tháng 6 năm 2026

Kính gửi:

- Cộng đồng Doanh nghiệp, Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh và Người nộp thuế địa bàn Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình quản lý;
- Ủy ban nhân dân các phường và các Tổ chức thuộc địa bàn Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình;
- Toàn thể công chức và người lao động Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-CT ngày 18/6/2026 của Cục Thuế về việc Ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Thực hiện kế hoạch số 8220/KH-NBI ngày 25/6/2026 của Thuế tỉnh Ninh Bình về việc Tổ chức triển khai Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15. Luật này gồm 9 chương 53 điều có hiệu lực từ ngày 01/7/2026, riêng quy định về khai thuế tính thuế và việc sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2026. So với Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 thì Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15 đã sắp xếp, thu gọn các Chương, Điều nhưng vẫn đảm bảo kế thừa những nội dung cơ bản về quản lý thuế, đồng thời có sửa đổi, bổ sung một số quy định theo hướng rõ ràng, minh bạch, phù hợp với bối cảnh chuyển đổi số, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tăng cường phân cấp và chống thất thu thuế.

Để các công chức thuế, tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trên địa bàn kịp thời nắm bắt nội dung. Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình tuyên truyền, phổ biến một số điểm mới của Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15, cụ thể như sau:

1. Về đối tượng áp dụng (Điều 2)

- Bổ sung quy định rõ người nộp thuế là: Tổ chức, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế; tổ chức nước ngoài, cá nhân nước ngoài có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác là người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế.

2. Về nội dung quản lý thuế (Điều 5)

- Bổ sung quy định cơ quan thuế thực hiện quản lý thuế theo phân nhóm người nộp thuế.

- Bổ sung nội dung quản lý thuế gồm: Quản lý rủi ro, quản lý tuân thủ.

3. Về nguyên tắc quản lý thuế (Điều 6)

- Sửa đổi nguyên tắc quản lý thuế phải bảo đảm nguyên tắc công khai, minh bạch, bình đẳng, lấy người nộp thuế làm trung tâm phục vụ, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người nộp thuế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý thu ngân sách nhà nước.

- Bổ sung quy định người nộp thuế tự xác định nghĩa vụ thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước phải nộp, tự kê khai thuế, các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước và tự nộp thuế, các khoản thu khác; bổ sung nguyên tắc quản lý tuân thủ.

4. Về mã số thuế (Điều 11)

Sửa đổi, bổ sung quy định rõ mã số thuế của cá nhân, hộ gia đình, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là số định danh cá nhân của cá nhân, chủ hộ gia đình, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh được cấp theo quy định của pháp luật về căn cước.

5. Về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế (Điều 12)

- Bổ sung quy định trường hợp phải kéo dài thời gian gia hạn nộp hồ sơ khai thuế do Chính phủ quy định phù hợp với tình hình thực tế.

- Sửa đổi quy định về thời hạn khai bổ sung: Giảm từ thời hạn 10 năm xuống 05 năm; bổ sung quy định người nộp thuế phát hiện hồ sơ khai thuế đã nộp còn sai, sót liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã thanh tra, kiểm tra dẫn đến phát sinh tăng số thuế phải nộp, giảm số thuế đã được miễn, giảm, hoàn, giảm số thuế được khấu trừ, giảm số thuế đã nộp thừa thì người nộp thuế được bổ sung hồ sơ giải trình với cơ quan thuế. Cơ quan thuế có trách nhiệm rà soát hồ sơ giải trình liên quan đến thời kỳ, phạm vi đã thanh tra, kiểm tra của người nộp thuế, trường hợp chấp thuận hồ sơ giải trình của người nộp thuế thì cơ quan thuế ban hành thông báo chấp thuận cho người nộp thuế khai điều chỉnh hồ sơ khai thuế. Người nộp thuế bị xử lý theo quy định như đối với trường hợp cơ quan thuế, cơ quan có thẩm quyền thanh tra, kiểm tra phát hiện. Công chức thanh tra, kiểm tra thuế liên quan đến hồ sơ giải trình chịu trách nhiệm về sai, sót chưa được phát hiện đầy đủ qua kiểm tra trong trường hợp tuân thủ chưa đúng quy định.

6. Về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân (Điều 13)

Sửa đổi quy định về khai thuế, khoản thu khác, tính thuế, khoản thu khác, khấu trừ thuế đối với hộ kinh doanh, cá nhân theo hướng:

Đối với thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân: Trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng không chịu thuế, đối tượng không phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thông báo doanh thu thực tế phát sinh trong năm với cơ quan thuế; trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh xác định có mức doanh thu hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế, đối tượng phải nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập cá nhân; trường hợp hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh sử dụng hóa đơn điện tử, hoá đơn điện tử khởi tạo từ máy tính tiền có kết nối dữ liệu với cơ quan thuế, Hệ thống thông tin quản lý thuế tự động tạo lập tờ khai thuế để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế trên cơ sở dữ liệu hóa đơn điện tử, cơ sở dữ liệu quản lý thuế và các nguồn cơ sở dữ liệu khác mà cơ quan thuế có được từ cơ quan nhà nước khác, tổ chức, cá nhân cung cấp.

Đối với các loại thuế khác và khoản thu khác: Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tự xác định số thuế, khoản thu khác phải nộp theo quy định của pháp luật về thuế, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh thực hiện khai thuế, tính thuế đối với từng loại thuế theo kỳ tính thuế. Cơ quan thuế căn cứ vào cơ sở dữ liệu quản lý thuế cung cấp thông tin để hỗ trợ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trong việc khai thuế và tính thuế.

Đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh có hoạt động kinh doanh trên nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác: Trường hợp nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, chủ quản nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác (trong nước hoặc nước ngoài) có trách nhiệm khấu trừ, kê khai thay và nộp thay số thuế đã khấu trừ của hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh; trường hợp nền tảng thương mại điện tử, nền tảng số khác không có chức năng đặt hàng trực tuyến và chức năng thanh toán, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh trực tiếp khai thuế, tính thuế và nộp thuế theo quy định.

7. Về nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt; gia hạn nộp thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 14)

Bổ sung quy định trường hợp số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt phải nộp đã được cơ quan quản lý thuế cung cấp mã định danh khoản

phải nộp thì người nộp thuế nộp theo mã định danh khoản phải nộp. Đồng thời, bổ sung khái niệm mã định danh khoản phải nộp.

8. Về xử lý số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (Điều 15)

- Bổ sung khái niệm số tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

- Bổ sung quy định: “Việc bù trừ trong cùng hoặc giữa các loại thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt và do hệ thống thông tin quản lý thuế thực hiện tự động hoặc theo đề nghị của người nộp thuế theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.”

- Bổ sung quy định: “Trường hợp người nộp thuế có số tiền thuế giá trị gia tăng nộp thừa khi nhập khẩu hàng hóa và đã thực hiện kê khai khấu trừ số tiền thuế nộp thừa với cơ quan thuế thì việc xử lý số tiền thuế đã khấu trừ, nộp thừa thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính.”

9. Về xử lý đối với việc chậm nộp tiền thuế, khoản thu khác (Điều 16)

- Bổ sung quy định trường hợp phải nộp tiền chậm nộp đối với: Cơ quan, tổ chức được giao quản lý các khoản thu thuộc ngân sách nhà nước chậm nộp vào ngân sách nhà nước đối với số tiền đã thu được; cơ quan, tổ chức thuộc đối tượng khấu trừ thuế, nộp thuế, khoản thu khác thay cho người nộp thuế theo quy định của pháp luật về thuế và quy định khác của pháp luật có liên quan nộp tiền không đầy đủ, không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định: “Sau 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nộp tiền thuế, nhưng người nộp thuế chưa xác định số tiền chậm nộp thì cơ quan quản lý thuế xác định số tiền chậm nộp và thông báo cho người nộp thuế”.

- Bổ sung quy định giao Chính phủ quy định điều chỉnh mức tính tiền chậm nộp phù hợp với tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

10. Về hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế (Điều 17)

- Bổ sung quy định hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trong một số trường hợp: (i) hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã giải thể; hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phá sản, tổ chức lại; (ii) trường hợp người nộp thuế thay đổi địa chỉ trụ sở dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý, trừ trường hợp do thay đổi địa giới hành chính theo quy định của pháp luật.

- Bổ sung quy định: “Chủ sở hữu doanh nghiệp tư nhân, chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, thành viên hợp danh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh chịu trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ có liên quan đến hồ sơ thuế của doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu

hạn một thành viên, công ty hợp danh, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.”

- Bổ sung quy định người được giao quản lý di sản thực hiện hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết trong phần di sản của người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết để lại hoặc phần tài sản người thừa kế được chia tại thời điểm nhận thừa kế.

- Bổ sung trường hợp phải hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế trước khi xuất cảnh đối với: Cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế; cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là chủ sở hữu hưởng lợi của doanh nghiệp, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

- Bổ sung quy định: Tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân cư trú tại Việt Nam thực hiện chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ hoạt động chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn theo quy định của pháp luật thuế; tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam chuyển nhượng dự án đầu tư, chuyển nhượng vốn trực tiếp hoặc gián tiếp cho tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam, cá nhân cư trú tại Việt Nam thì bên nhận chuyển nhượng có trách nhiệm xác định, kê khai, khấu trừ và nộp thay số thuế phải nộp của bên chuyển nhượng. Trường hợp cả bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng đều là tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật nước ngoài, cá nhân nước ngoài không cư trú tại Việt Nam thì tổ chức được thành lập theo quy định pháp luật Việt Nam nơi bên chuyển nhượng vốn đầu tư trực tiếp hoặc gián tiếp có trách nhiệm kê khai và nộp thay số thuế phải nộp của bên chuyển nhượng theo quy định của pháp luật thuế.

11. Hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt (Điều 18)

- Bổ sung quy định hoàn trả cho cá nhân thuộc trường hợp hoàn thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt theo quy định là người đã chết, người bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì người được Tòa án giao quản lý tài sản của người đã chết, người bị tuyên bố là đã chết, mất tích, mất năng lực hành vi dân sự được nhận tiền thuế, khoản thu khác, tiền chậm nộp, tiền phạt được hoàn theo quy định của pháp luật về dân sự.

- Bổ sung quy định cơ quan thuế triển khai việc hoàn thuế tự động trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Cơ quan thuế có trách nhiệm triển khai việc hoàn thuế tự động theo từng giai

đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế, điều kiện về hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, bổ sung quy định thẩm quyền cơ quan thuế quyết định việc hoàn thuế đối với trường hợp hoàn thuế tự động.

12. Về miễn thuế và khoản thu khác, giảm thuế và khoản thu khác, không thu thuế, không chịu thuế (Điều 19)

Bổ sung quy định cơ quan thuế triển khai việc miễn thuế, giảm thuế tự động cho người nộp thuế trên cơ sở dữ liệu, tiêu chí quản lý rủi ro, quy trình xử lý tự động và bảo đảm an toàn thông tin. Cơ quan thuế có trách nhiệm triển khai việc miễn thuế, giảm thuế tự động theo từng giai đoạn, phù hợp với điều kiện thực tế, điều kiện về hạ tầng và ứng dụng công nghệ thông tin. Đồng thời, bổ sung thẩm quyền cơ quan quản lý thuế quyết định việc miễn thuế, giảm thuế đối với trường hợp miễn thuế, giảm thuế tự động.

13. Về khoan tiền thuế nợ (Điều 20)

- Bổ sung trường hợp được khoan tiền thuế nợ theo văn bản đề nghị của Tòa án theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản.

- Bổ sung quy định khoan tiền thuế nợ đối với trường hợp: Người nộp thuế bị hạn chế trên thực tế quyền khai thác, sử dụng về đất đai, khoáng sản được cấp, được giao do nguyên nhân từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền dẫn đến nợ nghĩa vụ tài chính về đất, khoáng sản.

14. Về xóa tiền thuế nợ (Điều 21)

Bổ sung trường hợp được xóa tiền thuế nợ đối với: Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị Tòa án tuyên bố phá sản và đã thực hiện thanh toán các khoản nợ theo quy định của pháp luật về phục hồi, phá sản mà không còn tài sản.

15. Về kiểm tra thuế (Điều 22)

Bổ sung nguyên tắc ưu tiên kiểm tra trực tuyến, từ xa trên dữ liệu điện tử; việc kiểm tra của cơ quan thuế không trùng lặp về nội dung, phạm vi, thời gian giữa cơ quan thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước; nguyên tắc kiểm tra việc xác định giá giao dịch liên kết của người nộp thuế theo nguyên tắc giao dịch độc lập và bản chất kinh tế của hoạt động, giao dịch phát sinh quyết định nghĩa vụ thuế;

- Sửa đổi quy định kiểm tra thuế tại trụ sở người nộp thuế đối với người nộp thuế có rủi ro cao thuộc các trường hợp: Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, phá sản, giải thể, chấm dứt hoạt động, cổ phần hóa, chấm dứt hiệu lực mã số thuế, chuyển địa điểm kinh doanh.

- Sửa đổi thời hạn kiểm tra thuế để phù hợp với đặc thù của kiểm tra thuế khi cơ quan thuế không còn chức năng thanh tra thuế (tăng từ 10 ngày lên 20 ngày kể từ ngày công bố quyết định kiểm tra, đối với kiểm tra giao dịch liên kết thời hạn

kiểm tra không quá 40 ngày, trường hợp phức tạp phải trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài thì thời hạn kiểm tra thuế có thể kéo dài nhưng không quá 02 năm); bổ sung quy định kiểm tra lại trong hoạt động kiểm tra thuế.

16. Biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế (Điều 23)

Bổ sung 02 biện pháp áp dụng trong kiểm tra thuế đối với trường hợp có dấu hiệu trốn thuế, tương tự quy định về thanh tra thuế tại Luật hiện hành, gồm: **(i)** thu thập thông tin liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế; **(ii)** tạm giữ tài liệu liên quan đến trường hợp có dấu hiệu trốn thuế.

17. Về quyền và nghĩa vụ của người nộp thuế (Điều 37)

Bổ sung một số quyền của người nộp thuế trong đó có quyền: Được áp dụng chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, hải quan nếu đáp ứng đủ các điều kiện về chế độ ưu tiên theo quy định của pháp luật; được tra cứu tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế, nhận thông báo số tiền thuế nợ qua tài khoản giao dịch điện tử do cơ quan quản lý thuế cung cấp; không phải nộp các chứng từ, tài liệu, không phải gửi các thông tin đã có sẵn trong hồ sơ thuế mà cơ quan quản lý thuế đã có,...

- Bổ sung nghĩa vụ của người nộp thuế cung cấp thông tin cho cơ quan thuế để thực hiện trao đổi thông tin với cơ quan thuế nước ngoài theo điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế về thuế; sử dụng đúng mục đích các hàng hóa, dịch vụ miễn thuế, khoản thu khác, không chịu thuế theo kê khai, nếu thay đổi mục đích, phải kê khai lại và nộp tiền thuế, khoản thu khác và các khoản phát sinh theo quy định pháp luật; người nộp thuế là doanh nghiệp xã hội có trách nhiệm kê khai chính xác, trung thực và đầy đủ các khoản thu từ hoạt động hợp tác, tài trợ và hợp đồng kinh tế với tổ chức, cá nhân nước ngoài sử dụng cho mục đích xã hội, môi trường, theo quy định của pháp luật thuế và pháp luật liên quan.

18. Về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế (Điều 48, Điều 49, Điều 50)

- Bổ sung trường hợp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế đối với người nộp thuế có tiền thuế nợ nhưng không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; quy định cơ quan thuế không thực hiện biện pháp cưỡng chế đối với người nộp thuế có khoản nợ đang làm thủ tục bù trừ qua hoàn thuế.

- Bổ sung thêm một biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế là nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản.

- Bổ sung thẩm quyền của thủ trưởng cơ quan quản lý thuế nộp đơn yêu cầu áp dụng thủ tục phá sản thực hiện theo quy định của Luật Phục hồi, phá sản.

19. Về điều khoản thi hành (Điều 52)

Luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2026. Riêng quy định tại Điều 13 và sử dụng hóa đơn đối với hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh tại Điều 26 của Luật này có hiệu lực từ ngày 01/01/2026.

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 56/2024/QH15 hết hiệu lực kể từ ngày Luật này có hiệu lực thi hành, trừ quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 53 của Luật này. Riêng quy định tại Điều 51 của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 hết hiệu lực kể từ ngày 01/01/2026.

20. Về điều khoản chuyển tiếp (Điều 53)

Quy định các vấn đề chuyển tiếp để áp dụng thống nhất, tránh phát sinh vướng mắc đối với: Các khoản thuế được miễn, giảm, không thu theo quy định của pháp luật tương ứng từng thời kỳ, phát sinh trước ngày 01/7/2026 thì tiếp tục xử lý theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14.

Các khoản tiền thuế nợ đến hết ngày 30/6/2026 thì được xử lý theo quy định của Luật này.

Các cuộc kiểm tra có quyết định kiểm tra được ban hành trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành nhưng chưa ban hành kết luận hoặc quyết định xử lý thì tiếp tục thực hiện theo quy định của Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14./.

Để khai thác nội dung người nộp thuế quét mã QR CODE:



Thuế cơ sở 10 tỉnh Ninh Bình đề nghị Đài tuyên thanh các phường phối hợp thực hiện tuyên truyền nội dung Công văn trên sóng phát thanh của phường tuyên truyền đến Người nộp thuế trên địa bàn quản lý được biết và thực hiện đúng quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND các phường thuộc địa bàn TCS10 quản lý;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lãnh đạo Thuế cơ sở 10;
- Các Tổ thuộc Thuế cơ sở 10;
- Lưu: VT, NVDTPC.(VTMHuong)

**KT. TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ
PHÓ TRƯỞNG THUẾ CƠ SỞ**

Đỗ Ánh Dương